

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định số: **39/2019/DSST-TPT**

Ngày: 26/11/2019

V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TẠI PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh**.

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Hoàng Văn Tý,

2/ Ông Phan Ngọc Đáng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Châu -Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2015/TLST-DS ngày 05/10/2015 về: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 707/2019/QĐST-DS ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

NGUYỄN ĐƠN:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Địa chỉ: đường L, khu vực 4, phường T, quận B, thành phố B.

2. Ông Nguyễn Thanh L.

Địa chỉ: đường L, khu vực 4, phường T, quận B, thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền của bà H, ông L là ông L.

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố B (văn bản ủy quyền ngày 22/6/2015 và văn bản ủy quyền ngày 13/10/2015).

3. Bà Nguyễn Hồng N.

Địa chỉ: đường L, khu vực 4, phường T, quận B, thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Hồ Ngọc T.

Địa chỉ: đường C, phường B, quận B, thành phố B (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2015).

BIDƠN: Ông Nguyễn Như H.

Địa chỉ: đường L, khu vực 4, phường T, quận B, thành phố B.

Đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Nguyễn Tuấn A.

Địa chỉ: đường T, phường H, quận N, thành phố B (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2015).

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:*

Năm 1966 bà H có mua được phần đất hiện diện tích là 254,5m² (trong đó có 104,8m² đất thổ cư được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn lại 149,7m² là phần diện tích phạm lộ giới không được công nhận là di sản mà các đương sự đang tranh chấp trong vụ án này).

- *Quan hệ hôn nhân lần 1:* Bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1938, chết ngày 08/10/2009) có chồng là ông Nguyễn Ngọc N (đã chết năm 1968 không để lại di chúc), ông N và bà H có chung 02 người con là Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Như H.

- *Quan hệ hôn nhân lần 2:* Sau khi ông Nguyễn Ngọc N chết 1968, bà Nguyễn Thị H chung sống với người chồng sau là ông Nguyễn Văn N (đã chết năm 1995 không để lại di chúc), ông N và bà H có chung 02 người con là: Nguyễn Thanh L và Nguyễn Hồng N.

Năm 2005, bà H chuyển nhượng phần đất 104,8m² đất thổ cư thửa 177 cho ông Nguyễn Như H.

Ông Nguyễn Như H nhượng lại một phần diện tích 12,33m² trong thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Nhựt T và bà Nguyễn Thị Ngọc H nên diện tích còn lại là 92,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03660/TN cấp ngày 02/5/2008 và được chỉnh lý bổ sung ngày 06/5/2009.

Bà Nguyễn Thị H chết năm 2009 không để lại di chúc, di sản để lại là đất phạm lộ giới không được công nhận. Đến năm 2014, phần đất này Nhà nước thu hồi và đền bù 149,7m² (đo đạc thực tế là 147,1m²) được bồi thường 401.326.970 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bảy chục đồng*), số tiền này ông H đã được nhận. Sau đó, Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà và vật kiến trúc trên đất nên bồi thường thêm số tiền là 242.024.400 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm đồng*), số tiền này do phát sinh tranh chấp nên UBND quận B chưa bàn giao.

Diện tích đất bị thu hồi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị H, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông H phải hoàn trả và chia đều kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế đối với số tiền đền bù là 643.351.370 đồng (*Sáu trăm bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng*), mỗi đồng thừa kế được hưởng ¼ đối với số tiền trên tương đương là 160.837.842 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm bốn mươi hai đồng*). Tuy nhiên, theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và môi trường thành phố B cung cấp thể hiện có một phần 11,3m² đất và 16,8m² nhà thuộc quyền sử dụng đất và quyền sử dụng nhà ở của ông Nguyễn Như H nên số tiền ông H được bồi thường là 109.818.000 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu tám trăm mười tám ngàn đồng*). Số tiền còn lại ông H phải chia đều cho các đồng thừa kế là 643.351.370 đồng – 109.818.000 đồng = 533.533.370 đồng (*Năm trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba ngàn ba trăm*

bảy mươi đồng), tương đương mỗi kỷ phần thừa kế là 133.383.342 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

Riêng đối với bà Nguyễn Hồng N có đại diện là ông Hồ Ngọc T có ý kiến thay đổi một phần nội dung khởi kiện do ngày 10/5/2014, bà N có nhận của ông H là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) nên bà N chỉ yêu cầu ông H chia số tiền đền bù cho bà là 103.383.342 đồng (*Một trăm lẻ ba triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Như H xác nhận về quan hệ huyết thống thừa kế như nguyên đơn trình bày là đúng. Riêng nhà và đất trước đây là do bà Nguyễn Thị H tạo lập nhưng bà H đã chuyển nhượng cho ông H nên thuộc quyền sử dụng và sở hữu của ông. Đối với đất và nhà phía trước nằm trong hành lang lộ giới nên ông H không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chỉ được cấp phần diện tích 92,5m² thổ cư, tuy nhiên ông vẫn quản lý và sử dụng đối với phần đất phạm lộ giới. Do đó, đối với yêu cầu của các nguyên đơn, ông H không đồng ý chia thừa kế vì đất này cũng đã thuộc của ông, nhà nước bồi hoàn cho ông nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu khởi kiện.

Vụ án được hòa giải nhiều lần không thành nên đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thương lượng thống nhất được hướng giải quyết toàn bộ những vấn đề tranh chấp trong vụ án.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và đúng pháp luật.

Áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Các đồng nguyên đơn và bị đơn thống nhất giải quyết vấn đề tranh chấp thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị H còn lại là số tiền bồi hoàn, hỗ trợ Công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 theo Thông báo số 92 ngày 06/11/2018 của Trung tâm phát triển Quỹ đất Chi nhánh quận B số tiền Trung tâm còn giữ là 242.024.400 đồng (*Hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm đồng*) (*Có đính kèm Thông báo số 92 theo Quyết định này*).

Phân chia cụ thể cho từng người như sau:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H được hưởng số tiền 62.500.000đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*)
- Ông Nguyễn Thanh L được hưởng số tiền 62.500.000đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*)
- Bà Nguyễn Hồng N được hưởng số tiền 35.000.000đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*)
- Ông Nguyễn Như H được hưởng số tiền còn lại là 82.024.400đồng (*Tám mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm đồng*)

Các đương sự tự liên hệ Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh quận B để nhận số tiền mình được hưởng.

Từ sau khi nhận đủ số tiền nêu trên, các bên đương sự sẽ không được tranh chấp thêm bất cứ tài sản nào liên quan đến di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H nữa.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Như H phải nộp 4.101.000 đồng (*Bốn triệu một trăm lẻ một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố B.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm H mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố B và được nhận lại 4.020.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006143 ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án quận B, thành phố B.

Ông Nguyễn Thanh L phải nộp 3.125.000 đồng (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố B và được nhận lại 4.020.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006144 ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án quận B, thành phố B.

Bà Nguyễn Hồng N phải nộp 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố B và được nhận lại 4.020.000 đồng (*Bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006142 ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án quận B, thành phố B.

3/ Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B, TPC;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B, TPC;
- Tòa án nhân dân Thành phố B;
- Lưu (hs, Vp, Ltda).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ánh